

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **65/2023/HS-ST**
Ngày: 24/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Ngọc Trứ

Bà Đặng Thị Tiềm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2023/TLST- HS ngày 17 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

1/ Nguyễn Hoàng R, sinh ngày 03/5/2000 tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: ấp ML, xã NĐ, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1972 và bà Dương Thị T, sinh năm 1976; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và hoãn xuất cảnh từ ngày 26/4/2023 đến nay (có mặt).

2/ Nguyễn Thị Thùy N, sinh ngày 31/8/1998 tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: ấp TT, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1977 và bà Hồ Thị Lưu N1, sinh năm 1979; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; có 01 con sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và hoãn xuất cảnh từ ngày 26/4/2023 đến nay (có mặt).

Bị hại:

Lê Hoàng An N2, sinh năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: ấp QT, xã TH, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng R, sinh năm 2000, cư trú: ấp ML, xã MĐ, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang và Nguyễn Thị Thùy N, sinh năm 1998, cư trú: ấp TT, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang chung sống với nhau như vợ chồng tại nhà trọ cho thuê tháng trên địa bàn khu phố 3, phường 1, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang, cả hai cùng có mối quan hệ quen biết với chị Lê Hoàng An N1, sinh năm 1996, nơi thường trú: ấp QT, xã TH, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang, tạm trú tại phòng trọ số 03 nhà trọ không tên do chị Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1996, nơi thường trú: ấp 6, xã B, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở hiện tại: 121/13 Võ Thanh Tâm, khu phố 1, phường 4, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang làm chủ. Khoảng đầu năm 2022, R và N thỏa thuận cho chị An N2 mượn số tiền 25.000.000 đồng. Tháng 12/2022, do nợ tiền nhiều người nên chị N2 khóa phòng trọ bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Rin nhiều lần điện thoại, nhắn tin nhưng không liên lạc được với chị N2. Do muốn cần trừ nợ, R bàn bạc với N sẽ đến cắt ổ khóa phòng trọ của N2, lấy tài sản bán thì N đồng ý.

Khoảng 10 giờ, ngày 22/02/2023, R và N thuê thợ sửa ổ khóa là P, sinh năm 2005, cư trú: 119/3, khu phố 1, phường 1, thị xã CL đến phòng trọ số 03 của chị N2 để mở khóa cửa phòng trọ. Sau khi mở được ổ khóa cửa phòng trọ, N trả tiền công cho P 30.000 đồng rồi P đi về. Do muốn tháo dỡ đồ đạc nên R truy cập vào trang “điện lạnh Cai Lậy” thuê được hai người thợ (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) đến tháo 01 bộ máy lạnh hiệu Nagakawa inverter 01 HP trong phòng trọ của N, ngoài ra R còn lấy trong phòng này 01 tivi hiệu TLC L40S6500 40 inch, 01 tủ lạnh mini hiệu Sanyo, 01 tủ bằng kim loại (kích thước 176 cm x 85 cm) màu đỏ, 01 tủ bằng nhựa (kích thước 127 cm x 105 cm) màu xanh - trắng và 01 bếp gas mini hiệu Namilux. Lúc này, R điện thoại cho chị T chủ nhà trọ kêu qua phụ lấy đồ và dọn phòng nhưng chị T không đồng ý và nhắn tin cho chị N2 biết sự việc. Sau khi lấy tài sản trong phòng trọ của chị N2, R bán hết các tài sản trên cho hai người thợ tháo máy lạnh trên với giá 5.500.000 đồng, còn bếp gas mini R đem về phòng trọ sử dụng. Nhận được thông báo của chủ nhà trọ, ngày 24/02/2023, chị Nhi về đến phòng trọ của mình kiểm tra thì thấy mất tài sản nên đến Công an phường 4 trình báo sự việc.

Bản kết luận định giá tài sản số 42 ngày 19/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Cai Lậy kết luận: 01 máy lạnh hiệu Nagakawa inverter 01 HP trị giá 5.760.000 đồng, 01 tivi hiệu TLC L40S6500 40 inch trị giá 5.592.000 đồng, 01 tủ lạnh hiệu Sanyo loại 93l trị giá 1.974.000 đồng, 01 tủ quần áo bằng sắt (kích thước 176 cm x 85 cm) trị giá 816.000 đồng, 01 tủ quần áo bằng nhựa (kích thước 127 cm x 105 cm) trị giá 720.000 đồng và 01 bếp gas mini hiệu Namilux trị giá 100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 14.962.000 đồng.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy, Nguyễn Hoàng R và Nguyễn Thị Thùy N đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp trên của mình.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã tạm giữ:

- 01 tủ lạnh hiệu Sanyo, kích thước (47 cm x 77 cm);
- 01 bộ máy lạnh hiệu Nagakawa inverter 01 HP;
- 01 tủ quần áo bằng kim loại (kích thước 176 cm x 85 cm);

- 01 tủ quần áo bằng nhựa (kích thước 127 cm x 105 cm);
- 01 đoạn dây đồng máy lạnh dài 190 cm;
- 01 bếp gas mini hiệu Namilux.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã trao trả 01 máy lạnh hiệu Nagakawa inverter 01 HP, 01 tủ lạnh hiệu Sanyo, 01 tủ quần áo bằng kim loại (kích thước 176 cm x 85 cm), 01 tủ quần áo bằng nhựa (kích thước 127 cm x 105 cm) và 01 bếp gas mini hiệu Namilux cho chị Lê Hoàng An N2.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lê Hoàng An N2 yêu cầu Nguyễn Hoàng R và Nguyễn Thị Thùy N bồi thường số tiền 10.000.000 đồng (gồm 01 tivi hiệu TLC L40S6500 40 inch và kệ để giày dép, dép và quần áo).

Tại bản cáo trạng số 64/CT-VKSTXCL ngày 13/7/2023 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang truy tố Nguyễn Hoàng R và Nguyễn Thị Thùy N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hoàng R và Nguyễn Thị Thùy N khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các quyết định cũng như hành vi của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thị xã Cai Lậy, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Nguyễn Hoàng R và Nguyễn Thị Thùy N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Bị cáo Nguyễn Hoàng R và Nguyễn Thị Thùy N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khắc phục một phần hậu quả. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng R từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy N từ 06 (sáu) tháng đến 09 (tháng) tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lê Hoàng An N yêu cầu bị cáo Nguyễn Hoàng R và Nguyễn Thị Thùy N có nghĩa vụ bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo chỉ đồng ý bồi thường số tiền 7.500.000 đồng cho bị hại, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức bồi thường phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã trao trả 01 máy lạnh hiệu Nagakawa inverter 01 HP, 01 tủ lạnh hiệu Sanyo, 01 tủ quần áo bằng kim loại (kích thước 176 cm x 85 cm), 01 tủ quần áo bằng nhựa (kích thước 127 cm x 105 cm) và 01 bếp gas mini hiệu Namilux cho chị Lê Hoàng An N, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

Về án phí: Bị cáo R, N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo sẽ sửa sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoàng R và bị cáo Nguyễn Thị Thùy N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là: vào khoảng 10 giờ ngày 22/02/2023 tại phòng trọ số 03 nhà trọ tháng không tên của chị Huỳnh Thị Ngọc T làm chủ, bị cáo R, N lợi dụng lúc chị N2 không có ở phòng trọ nên thực hiện hành vi thuê người mở ổ khóa vào phòng lấy 01 máy lạnh hiệu Nagakawa inverter 01 HP, 01 tivi hiệu TLC L40S6500 40 inch, 01 tủ lạnh hiệu Sanyo loại 931, 01 tủ quần áo bằng sắt (kích thước 176 cm x 85 cm), 01 tủ quần áo bằng nhựa (kích thước 127 cm x 105 cm) và 01 bếp gas mini hiệu Namilux. Tổng tài sản bị chiếm đoạt trị giá 14.960.000 đồng. Lời trình bày của bị cáo R, bị cáo N tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cho nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Hoàng R và bị cáo Nguyễn Thị Thùy N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đúng với kết luận luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy giữ quyền công tố tại phiên tòa hôm nay.

[3] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo R, bị cáo Nhiên đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, lợi dụng sự việc chủ sở hữu tài sản vắng nhà không quản lý tài sản để trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, gây mất trật tự trị an ở địa phương nơi xảy ra tội phạm, mặc dù chị N2 có nợ tiền của R và N không trả nhưng hai bị cáo không lựa chọn cách khởi kiện ra Tòa dân sự để được giải quyết mà lại thuê người đến cắt ổ khóa phòng trọ của chị Nhi để lấy tài sản đem bán nên cần xử phạt bị cáo R, N với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Bị cáo R, bị cáo N khi thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nhưng khi thực hiện tội phạm không có sự bàn bạc, phân công trước, không có sự cấu kết chắc chắn nên thuộc trường hợp phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Cụ thể, vai trò của từng bị cáo như sau:

[4.1] Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng R là người rủ rê trong việc thực hiện tội phạm và là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Cho nên, cần xử phạt bị cáo R với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4.2] Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thùy N là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Cho nên, cần xử phạt bị cáo N với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo R, bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo R, bị cáo N khắc phục một phần hậu quả, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo R và bị cáo N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo R, bị cáo N có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo R, bị cáo N, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: bị cáo R, bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, đối với bị cáo R có vai trò là người rủ rờ và trực tiếp thực hiện tội phạm nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt giúp ích cho xã hội sau này. Đối với bị cáo N do bị cáo không phải là người rủ rờ trong việc thực hiện tội phạm, hơn nữa bị cáo N còn có con nhỏ, Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố phần nào hình phạt cho bị cáo N không cần cách ly bị cáo N ra khỏi xã hội, xử lý bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo để bị cáo tự cải tạo trong sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú vẫn đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[9] Đối với ti vi hiệu TLC L40S6500 40 inch, Rin đã bán cho 02 người thợ Cơ quan điều tra không thu hồi được.

[10] Đối với chị Huỳnh Thị Ngọc T sau khi biết sự việc sau khi biết được việc R mở ổ khóa phòng của chị N2 lấy tài sản thì chị T nhắn tin cho N2 biết, hơn nữa chị T cũng không có bàn bạc với bị cáo R và bị cáo N về việc lấy tài sản trên nên không có dấu hiệu của tội phạm.

[11] Đối với Trần Hữu P được bị cáo R và bị cáo N thuê cắt ổ khóa phòng số 03 nhằm lấy tài sản của chị N2, nhưng P không biết đây là phòng trọ của người khác nên không có dấu hiệu tội phạm.

[12] Chị N2 khai ngoài tài sản nêu trên chị còn bị mất kệ để giày dép, dép và quần áo trong quá trình bị cáo R và bị cáo N dọn đồ trong phòng ra, nhưng không nhớ được đặc điểm, số lượng là bao nhiêu. Bị cáo R và bị cáo N khai không lấy các tài sản này. Ngoài lời khai của chị N2 thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh các bị can đã lấy số tài sản trên nên không đủ căn cứ quy kết bị cáo R và bị cáo N chiếm đoạt.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị N2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng (gồm 01 tivi hiệu TLC L40S6500 40 inch với số tiền 5.592.000 đồng và kệ để giày dép, dép, quần áo số tiền 4.408.000 đồng). Tại phiên tòa bị cáo khai đồng ý bồi thường số tiền 7.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với yêu cầu bồi thường của bị hại về kệ để giày dép, dép và quần áo trong quá trình bị cáo R và bị cáo N dọn đồ trong phòng ra bị mất, nhưng bị cáo R và bị cáo N khai không lấy các tài sản này. Ngoài lời khai của chị N thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh các bị cáo đã lấy số tài sản trên nên không có cơ sở buộc các bị cáo bồi thường số tiền như bị hại yêu cầu. Căn cứ Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo bồi thường số tiền 7.500.000 đồng.

[14] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã trao trả 01 máy lạnh hiệu Nagakawa inverter 01 HP, 01 tủ lạnh hiệu Sanyo, 01 tủ quần áo bằng kim loại (kích thước 176 cm x 85 cm), 01 tủ quần áo bằng nhựa (kích thước 127 cm x 105 cm) và 01 bếp gas mini hiệu Namilux cho chị Lê Hoàng An N2, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

[15] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo R và N bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nên theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án nên buộc bị cáo R và N mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[16] Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng R và Nguyễn Thị Thùy N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 17, điểm b, i, s khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng R 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 17, điểm b, i, s khoản 1, Điều 51; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thùy N 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nhiên cho Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự và hướng dẫn của Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Hoàng R và bị cáo Nguyễn Thị Thùy N bồi thường cho bị hại Lê Hoàng An N2 số tiền 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng R và Nguyễn Thị Thùy N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng R và Nguyễn Thị Thùy N phải chịu 375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Hoàng R, bị cáo Nguyễn Thị Thùy N, bị hại Lê Hoàng An N2 được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Cơ quan điều tra CA thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Thoa

